

Số: /QĐ-SNN

Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024  
của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-SNN ngày 20/12/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn (chi tiết theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở và toàn thể công chức, người lao động Văn phòng Sở Nông Nghiệp và PTNT Bắc Kạn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 (T/h);
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;

Gửi bản giấy:

- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT, VP.

GIÁM ĐỐC

Hà Sỹ Huân

# BIỂU DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 3 năm 2024  
của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn

Nội dung	Tổng số
<b>I. Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>	<b>20.000.000</b>
<b>1. Phí thẩm định TKKT- DT</b>	<b>20.000.000</b>
- Nộp ngân sách nhà nước (10%)	2.000.000
- Trích để lại đơn vị (90%)	18.000.000
<b>II. Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>16.892.000.000</b>
<b>1. Quản lý Nhà nước (412-340-341)</b>	<b>5.671.000.000</b>
1.1. Kinh phí thực hiện tự chủ (412-340-341) 13-200	5.495.000.000
- Quỹ lương	4.107.000.000
- Chi thường xuyên theo định mức	1.009.000.000
- Kinh phí chi trả cho hợp đồng lao động theo ND 161/2018/ND-CP (ngoài quỹ tiền lương hàng năm)	379.000.000
1.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ (412-340-341) 12-200	176.000.000
- Kinh phí sơ kết, tổng kết, hỗ trợ công tác kiểm tra chỉ đạo sản xuất của ngành	176.000.000
<b>2. Sự nghiệp kinh tế (412-280-281) 12-200</b>	<b>575.000.000</b>
2.1. Kinh phí thường xuyên	
2.2. Kinh phí không thường xuyên	575.000.000
- Hoạt động thanh tra ngành năm 2024	35.000.000
- Triển khai hoạt động bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh BK năm 2024	211.000.000
- Hướng dẫn thực hiện thông tin thống kê, triển khai bộ tiêu chí giám sát cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2024	224.000.000
- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, Đề án tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2021-2025	33.000.000
- Kinh phí thực hiện thẩm định giá thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và PTNT	72.000.000
<b>3. Chi sự nghiệp Môi trường (412-250-278) 12-200</b>	<b>154.000.000</b>
2.1. Kinh phí thường xuyên	
2.2. Kinh phí không thường xuyên (412-250-278) 12-200	154.000.000
- Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	64.000.000

- Xây dựng mô hình và quy trình, hướng dẫn kỹ thuật thu gom, xử lý chất thải từ nấu rượu và chăn nuôi làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp (thức ăn, phân bón hữu cơ) gắn với xây dựng nông thôn mới tại xã Phương Viên huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.	90.000.000
<b>4. Chi đặt hàng (Nguồn Trung ương)</b>	<b>10.430.000.000</b>
2.1. Kinh phí thường xuyên	
2.2. Kinh phí không thường xuyên (412-280-283) 12-215	10.430.000.000
- Đặt hàng, cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi 2024 đối với Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi	10.430.000.000
<b>5. Chi CTMTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>500.000.000</b>
2.1. Kinh phí thường xuyên	-
2.2. Kinh phí không thường xuyên	500.000.000
Mô hình thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Bắc Kạn	500.000.000
Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương (412- 280- 281) 12-100, Mã 00498	476.000.000
Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương (412-280-281)12-200, Mã 00498	24.000.000
<b>6. Chi CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS</b>	<b>62.000.000</b>
2.1. Kinh phí thường xuyên	
2.2. Kinh phí không thường xuyên	62.000.000
- Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình của dự án 10	62.000.000
+ Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách Trung ương (412-280-282)12-100, Mã 00521	59.000.000
+ Nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách địa phương đối ứng (412-280-282)12-200, Mã 00521	3.000.000